

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 41



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình
Ông Lê Quang Tiến
Ông Bùi Quang Ngọc
Ông Hoàng Minh Châu
Bà Trương Thị Thanh Thanh
Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh
Ông Đỗ Cao Bảo
Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Nguyễn Diệp Tùng
Ông Hoàng Nam Tiến
Ông Trương Đình Anh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Đình Anh
Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Nguyễn Thế Phương
Bà Chu Thị Thanh Hà
Ông Lê Trung Thành
Ông Phan Đức Trung

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/3/2011, miễn nhiệm chức
Phó Tổng Giám đốc ngày 25/3/2011)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/3/2011)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/3/2011)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/3/2011)
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm
ngày 25/3/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Số: *003* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), từ trang 4 đến trang 41. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Đức Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/IN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.372.728.248.045	8.839.022.362.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530
1. Tiền	111		1.498.138.209.402	861.718.472.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.404.244.613.880	574.409.292.876
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	861.597.468.810	563.892.171.622
1. Đầu tư ngắn hạn	121		861.597.468.810	565.892.171.622
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(2.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.781.513.726.520	3.248.876.343.735
1. Phải thu khách hàng	131		3.055.170.440.701	2.355.779.082.971
2. Trả trước cho người bán	132		202.305.584.199	241.613.024.080
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	8	259.634.990.533	153.813.573.772
4. Các khoản phải thu khác	135	9	368.964.010.051	556.197.935.397
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(104.561.298.964)	(58.527.272.485)
IV. Hàng tồn kho	140	11	3.275.849.800.433	2.448.471.898.690
1. Hàng tồn kho	141		3.294.682.950.896	2.460.453.718.041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.833.150.463)	(11.981.819.351)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		551.384.429.000	1.141.654.182.963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		81.837.721.116	72.424.202.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		405.237.862.119	310.143.861.018
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		38.095.433.386	12.448.920.935
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		26.213.412.379	746.637.198.184
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	200		3.570.358.291.380	3.465.522.080.811
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.028.639.950	376.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		1.028.639.950	376.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.150.890.020.172	2.000.339.297.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.458.878.278.435	1.433.735.279.875
- Nguyên giá	222		2.715.424.230.866	2.393.560.750.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.256.545.952.431)	(959.825.470.647)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	595.836.958	730.633.347
- Nguyên giá	225		965.721.579	927.323.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(369.884.621)	(196.689.768)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	268.330.648.339	243.376.909.739
- Nguyên giá	228		390.244.795.346	328.891.186.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.914.147.007)	(85.514.276.954)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	423.085.256.440	322.496.474.075
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		865.424.033.772	978.169.714.467
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	212.185.131.510	714.707.561.179
2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	672.534.221.546	273.704.891.300
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.295.319.284)	(10.242.738.012)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		336.649.236.703	264.922.825.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	225.343.888.201	154.930.449.508
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	20	73.225.086.409	76.063.911.140
3. Tài sản dài hạn khác	268		38.080.262.093	33.928.464.764
V. Lợi thế thương mại	269		216.366.360.783	221.714.243.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.943.086.539.425	12.304.544.443.351

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.717.275.015.362	7.255.512.891.181
I. Nợ ngắn hạn	310		8.475.464.627.022	5.439.122.118.786
1. Vay ngắn hạn	311	21	4.674.454.686.852	2.675.925.085.352
2. Phải trả người bán	312		1.338.827.517.569	1.150.176.696.403
3. Người mua trả tiền trước	313		335.440.515.687	210.726.704.950
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	337.468.389.390	242.203.522.628
5. Phải trả người lao động	315		342.051.528.648	211.764.307.064
6. Chi phí phải trả	316	23	196.519.022.047	218.871.640.449
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		16.886.638.003	30.226.884.835
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	708.436.527.483	286.391.139.496
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	25	24.125.222.347	32.544.452.120
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		194.122.831.946	155.375.371.131
11. Doanh thu chưa thực hiện	338		307.131.747.050	224.916.314.358
II. Nợ dài hạn	330		241.810.388.340	1.816.390.772.395
1. Phải trả dài hạn khác	333		196.674.666.730	10.294.803.322
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	274.583.554	1.800.359.913.819
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.848.413.023	359.264.224
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	25	1.482.292.216	1.587.566.129
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	25	557.179.639	2.936.645.570
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		7.629.691.000	-
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		33.343.562.178	852.579.331
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		5.521.004.779.653	3.983.400.714.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	5.518.254.779.653	3.980.650.714.548
1. Vốn điều lệ	411		2.160.826.760.000	1.934.805.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.546.879.484	60.012.320.245
3. Cổ phiếu quỹ	414		(513.440.000)	(692.150.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		19.393.997.526	17.276.091.131
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		115.476.089.217	112.945.897.606
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.173.421.484.165	1.856.200.376.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000	2.750.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		704.806.744.410	1.065.630.837.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		14.943.086.539.425	12.304.544.443.351



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25.397.759.809.554	20.041.458.740.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.512.943.153	24.155.072.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	25.370.246.866.401	20.017.303.667.573
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	20.412.099.286.524	16.028.810.900.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.958.147.579.877	3.988.492.766.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	552.057.804.065	464.258.807.267
7. Chi phí tài chính	22	32	693.757.749.103	559.127.001.271
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		249.500.890.165	238.147.740.131
8. Chi phí bán hàng	24		793.284.728.364	646.360.219.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.603.154.839.368	1.370.580.524.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.420.008.067.107	1.876.683.828.593
11. Thu nhập khác	31	33	104.920.544.425	144.687.563.509
12. Chi phí khác	32	34	58.923.327.122	106.011.889.135
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		45.997.217.303	38.675.674.374
14. Lợi nhuận từ công ty liên kết	45		35.537.691.711	107.833.643.477
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.501.542.976.121	2.023.193.146.444
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	418.067.272.905	346.753.884.742
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		4.327.973.530	(15.317.991.593)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.079.147.729.686	1.691.757.253.295
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		397.329.534.986	427.250.900.305
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.681.818.194.700	1.264.506.352.990
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	7.861	6.584



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.501.542.976.121	2.023.193.146.444
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	375.956.684.154	329.405.999.993
- Các khoản dự phòng	03	59.937.938.863	20.246.387.805
- (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết		(25.369.852.877)	(87.904.125.275)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	409.467.514	6.764.052.109
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(300.560.951.351)	(454.570.894.686)
- Chi phí lãi vay	06	249.500.890.165	238.147.740.131
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.861.417.152.589	2.075.282.306.521
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(290.780.558.057)	(538.514.304.725)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(834.229.232.855)	(1.025.744.658.403)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	974.370.578.362	796.734.112.550
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(79.826.956.983)	(51.501.636.948)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(220.209.220.032)	(250.492.904.816)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(401.260.017.116)	(407.116.316.964)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(162.897.462.490)	(113.131.548.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.846.584.283.418	485.515.049.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(465.352.162.753)	(875.985.423.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.944.087.088	8.771.598.355
3. Tiền thu/(chi) cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23, 24	(295.705.297.188)	340.441.373.368
4. Tiền thu/(chi) đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25, 26	804.592.238.800	(1.190.187.163.896)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.537.846.873	276.456.491.097
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		-	(38.409.960.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	107.016.712.820	(1.478.913.084.819)

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	27.716.100.000	18.146.090.000
2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		6.511.460.000	34.942.420.000
3. Tiền chi góp vốn cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	8.249.100.000	2.113.400.000
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.504.198.543.665	10.294.347.714.483
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.305.754.272.430)	(9.944.279.366.412)
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(728.266.869.721)	(286.254.483.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(487.345.938.486)	119.015.774.662
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.466.255.057.752	(874.382.261.101)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.436.127.765.530	2.310.510.026.631
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty Cổ phần FPT có 10 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty TNHH Tháp Láng Hạ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi gần nhất ngày 16 tháng 9 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 2.160.826.760.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11.936 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 11.424 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 37.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được lập hàng năm bằng cách phân bổ tối đa 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BẢO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (Công ty), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- **Viễn thông:** bao gồm các dịch vụ internet không dây và có dây; dịch vụ cung cấp đường truyền; đăng ký tên miền; lưu trữ và quản lý dữ liệu; dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV v.v..;
- **Nội dung số:** bao gồm các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân: trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến, tin tức trực tuyến, quảng cáo trực tuyến, thanh toán trực tuyến, v.v..
- **Phát triển phần mềm:** bao gồm các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP);
- **Tích hợp hệ thống:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v..;
- **Dịch vụ tin học:** cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
- **Giáo dục:** bao gồm dịch vụ đào tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học (Đại học FPT);
- **Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ:** bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT;

Đầu tư: Bao gồm các hoạt động chính:

- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bất động sản phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn;
- Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ quảng cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

Chi tiêu	Tin học và viễn thông						Loại trừ	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục	Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ	
Doanh thu theo bộ phận								
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.248.551	1.129.204	1.792.404	3.197.098	493.150	376.950	15.951.857	81.033
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	8.717	2.810	88.242	99.519	28.551	21.375	357.140	482.858
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.357.268	1.132.014	1.880.646	3.296.617	521.701	398.325	16.308.997	563.891
								(1.089.212)
								25.370.247
Chi phí theo bộ phận								
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(1.838.719)	(900.561)	(1.479.744)	(2.849.450)	(441.868)	(285.566)	(15.483.461)	(618.382)
								1.089.212
								(22.808.539)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	518.549	231.453	400.902	447.167	79.833	112.759	825.536	(54.491)
								-
								2.561.708
Khấu hao và chi phí phân bổ	(301.840)	(32.999)	(101.495)	(37.433)	(5.880)	(25.259)	(14.253)	(39.301)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	246.818	69.190	282.305	56.940	7.961	138.551	49.627	222.272
								(231.435)
								842.228
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	550.371	250.369	498.378	395.533	57.514	134.375	520.675	639.950
								(545.624)
								2.501.543
Tài sản bộ phận	2.449.102	383.766	1.508.134	2.443.772	378.508	460.764	4.984.243	3.095.903
								(761.106)
Nợ phải trả bộ phận	1.485.181	182.386	441.108	1.486.361	245.910	173.466	4.105.549	1.685.114
								(1.087.800)
								8.717.275

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

Chi tiêu	Viện thông	Nội dung số	Tin học và viễn thông				Đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
			Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống	Dịch vụ tin học	Giáo dục	Sản xuất và phân phối sản phẩm công nghệ		
Doanh thu theo bộ phận									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.986.842	416.307	1.425.312	2.400.537	374.682	268.533	13.062.588	82.502	20.017.304
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	50.292	3.951	28.630	76.247	39.080	10.847	290.795	399.774	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.037.133	420.259	1.453.942	2.476.785	413.762	279.380	13.353.383	482.276	20.017.304
Chi phí theo bộ phận									
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(1.320.147)	(319.420)	(1.146.372)	(2.100.966)	(335.088)	(185.014)	(12.674.848)	(534.108)	(17.716.347)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	716.986	100.839	307.570	375.818	78.674	94.366	678.535	(51.832)	2.300.957
Khấu hao và chi phí phân bổ	(209.022)	(33.009)	(28.527)	(14.694)	(3.100)	(6.186)	(5.553)	(34.371)	(329.406)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	450.261	86.812	197.306	18.014	2.865	41.556	4.532	24.840	704.001
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	490.659	110.705	382.922	295.817	67.699	101.971	411.834	458.679	2.023.193
Tài sản bộ phận	1.869.274	253.672	1.148.553	1.465.801	301.402	289.209	5.731.866	4.313.283	12.304.545
Nợ phải trả bộ phận	764.780	98.232	368.018	898.766	167.434	115.222	3.108.029	3.005.172	7.255.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	17.178.562.538	10.920.995.380
Tiền gửi ngân hàng	1.479.564.646.864	850.791.841.774
Tiền đang chuyển	1.395.000.000	5.635.500
Các khoản tương đương tiền	1.404.244.613.880	574.409.292.876
	<u>2.902.382.823.282</u>	<u>1.436.127.765.530</u>

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay với thời hạn dưới một năm, các khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn và khoản tiền cam kết để thực hiện hợp đồng mua trái phiếu.

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hợp đồng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	1.330.384.508.722	1.152.553.725.622
Trừ: Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(1.070.749.518.189)	(998.740.151.850)
	<u>259.634.990.533</u>	<u>153.813.573.772</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu theo tiến độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì	117.681.050.907	74.338.639.766
Các khoản phải thu khác	251.282.959.144	481.859.295.631
	<u>368.964.010.051</u>	<u>556.197.935.397</u>

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01	58.527.272.485	22.142.914.737
Tăng dự phòng trong năm	58.708.968.951	46.382.592.123
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.690.875.320)	-
Hoàn nhập	(10.984.067.152)	(9.998.234.375)
Tại ngày 31/12	<u>104.561.298.964</u>	<u>58.527.272.485</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	456.781.820.611	634.653.780.411
Công cụ, dụng cụ	6.053.316.177	7.276.998.469
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	594.325.087.982	292.466.197.292
Hàng hoá	2.235.244.585.046	1.526.056.741.869
Hàng gửi đi bán	2.278.141.080	-
Cộng	3.294.682.950.896	2.460.453.718.041
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.833.150.463)	(11.981.819.351)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.275.849.800.433	2.448.471.898.690

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Dụng cụ văn phòng	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	927.323.115	927.323.115
Tăng trong năm	38.398.464	38.398.464
Tại ngày 31/12/2011	965.721.579	965.721.579
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	196.689.768	196.689.768
Khấu hao trong năm	173.194.853	173.194.853
Tại ngày 31/12/2011	369.884.621	369.884.621
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	595.836.958	595.836.958
Tại ngày 31/12/2010	730.633.347	730.633.347

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Tổng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày 01/01/2011	341.377.340.321		1.275.643.602.090		57.580.294.777		711.491.973.363		7.467.539.971		2.393.560.750.522
Tăng do mua sắm	51.983.318.106		102.462.080.242		6.065.790.865		101.672.040.002		7.907.726.248		270.090.955.463
Tăng do XDCB hoàn thành	114.647.156.469		-		-		-		-		114.647.156.469
Thanh lý, nhượng bán	(4.620.228.106)		(23.573.190.728)		(1.670.857.480)		(17.109.815.131)		(539.317.302)		(47.513.408.747)
Tăng/(Giảm) khác	(1.950.452.007)		(861.615.935)		137.920.909		(12.687.075.808)		-		(15.361.222.841)
Tại ngày 31/12/2011	501.437.134.783		1.353.670.875.669		62.113.149.071		783.367.122.426		14.835.948.917		2.715.424.230.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày 01/01/2011	35.521.785.991		522.165.979.131		17.312.621.151		382.622.368.463		2.202.715.911		959.825.470.647
Khấu hao trong năm	20.051.996.200		152.385.293.212		10.939.699.953		155.139.319.302		1.480.550.372		339.996.859.039
Thanh lý, nhượng bán	(3.736.235.957)		(10.735.813.278)		(957.001.530)		(12.537.846.866)		(403.360.861)		(28.370.258.492)
Tăng/(Giảm) khác	(26.341.196)		(605.385.221)		39.267.207		(14.313.659.553)		-		(14.906.118.763)
Tại ngày 31/12/2011	51.811.205.038		663.210.073.844		27.334.586.781		510.910.181.346		3.279.905.422		1.256.545.952.431
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 31/12/2011	449.625.929.745		690.460.801.825		34.778.562.290		272.456.941.080		11.556.043.495		1.458.878.278.435
Tại ngày 31/12/2010	305.855.554.330		753.477.622.959		40.267.673.626		328.869.604.900		5.264.824.060		1.433.735.279.875

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là khoảng 525.779 triệu đồng (tại ngày 31/12/2010 là khoảng 503.101 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.979.324.875	175.351.445	94.803.352.204	209.933.158.169	328.891.186.693
Mua trong năm	22.164.796.311	-	35.715.746.376	2.168.421.845	60.048.964.532
Thanh lý, nhượng bán	-	(175.351.445)	(71.410.501)	-	(246.761.946)
Tặng/(Giảm) khác	(198.746.536)	-	2.605.640.757	(855.488.154)	1.551.406.067
Tại ngày 31/12/2011	45.945.374.650	-	133.053.328.836	211.246.091.860	390.244.795.346
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	450.454.208	175.351.445	49.863.761.213	35.024.710.088	85.514.276.954
Khấu hao trong năm	605.238.891	-	20.903.867.193	14.277.524.178	35.786.630.262
Thanh lý, nhượng bán	-	(175.351.445)	(33.108.323)	-	(208.459.768)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	(68.566.785)	890.266.344	821.699.559
Tại ngày 31/12/2011	1.055.693.099	-	70.665.953.298	50.192.500.610	121.914.147.007
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	44.889.681.551	-	62.387.375.538	161.053.591.250	268.330.648.339
Tại ngày 31/12/2010	23.528.870.667	-	44.939.590.991	174.908.448.081	243.376.909.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011	2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	322.496.474.075	382.945.644.656
Tăng trong năm	254.780.397.132	211.754.441.615
Kết chuyển sang Tài sản cố định	(114.647.156.469)	(109.316.780.308)
Phân loại sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	(152.040.000.000)
Giảm khác	(39.544.458.298)	(10.846.831.888)
Số dư cuối năm	<u>423.085.256.440</u>	<u>322.496.474.075</u>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	42,51%	42,51%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Số 25 ngõ 68 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	49,58%	82,37%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	Số 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	99,80%	100%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn quản lý bất động sản

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 42,51% phần vốn (tại ngày 31/12/2010: 43,06%) và nắm giữ 42,51% quyền biểu quyết (tại ngày 31/12/2010: 43,06%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
- (ii) Ngày 08/8/2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	2011	2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	714.707.561.179	381.217.015.904
Biến động khoản đầu tư vào các công ty liên kết	(7.764.000.000)	265.671.420.000
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	25.369.852.877	87.904.125.275
Cổ tức nhận được	(32.770.713.500)	(20.085.000.000)
Phân loại lại (i)	(487.357.569.046)	-
Số dư cuối năm	<u>212.185.131.510</u>	<u>714.707.561.179</u>

- (i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được phân loại lại thành đầu tư dài hạn khác do không thỏa mãn điều kiện của công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	Tầng 8, Tòa nhà TTC Lô B1A phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ủy thác đầu tư	97.200.000.000	195.209.038.800
Quỹ Đầu tư Việt Nam (BVIM)	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	36.300.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	487.357.569.046	-
Khác	13.106.652.500	12.195.852.500
	<u>672.534.221.546</u>	<u>273.704.891.300</u>

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 16,9% phần vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (31/12/2010: 16,9%). Trước đây, Báo cáo Tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong Báo cáo Tài chính này theo phương pháp vốn chủ sở hữu do Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn, là người có quyền tham gia vào hoạch định chính sách và ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách của Ngân hàng. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn không còn ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong do có sự thay đổi đại diện phần vốn của Tập đoàn và có thêm cổ đông chiến lược mới, do đó, khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được kê toán theo phương pháp giá gốc trong Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011	2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	154.930.449.508	81.868.941.413
Tăng trong năm	257.269.099.062	192.669.109.422
Phân bổ vào chi phí trong năm	(180.627.533.099)	(98.081.467.967)
Giảm khác	(6.228.127.270)	(21.526.133.360)
Số dư cuối năm	225.343.888.201	154.930.449.508

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Tài sản cố định	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Doanh thu	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	24.490.010.700	17.320.885.988	34.253.014.452	76.063.911.140
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	(1.072.854.080)	(13.211.136.612)	11.445.165.961	(2.838.824.731)
Tại ngày 31/12/2011	23.417.156.620	4.109.749.376	45.698.180.413	73.225.086.409

21. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	2.866.580.345.781	2.666.043.768.250
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.874.341.071	9.881.317.102
Trái phiếu đến kỳ đáo hạn (ii)	1.800.000.000.000	-
	4.674.454.686.852	2.675.925.085.352

(i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

(ii) Thẻ hiện giá trị trái phiếu phát hành trong năm 2009, tương đương với 1.800 lô ("Lô") được chào bán gồm trái phiếu xác định nghĩa vụ trả nợ đầu tiên và không có bảo đảm bằng tài sản có tổng mệnh giá bằng 1.800 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm ("Trái Phiếu") và 2.084.400 Chứng quyền. Mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, được quyền mua 10 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 VND/Chứng quyền. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu đã được bán hết tại ngày 9 tháng 10 năm 2009.

Theo Thông báo số 167/FPT-FAF ngày 30 tháng 5 năm 2010, tỷ lệ thực hiện Chứng quyền được thay đổi; theo đó, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu Chứng quyền được mua 13,324 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá thỏa thuận là 920.250 đồng/Chứng quyền.

Trái phiếu này sẽ đáo hạn trong năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	148.207.172.827	86.215.411.119
Thuế xuất, nhập khẩu	26.284.892.789	36.601.849.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	147.235.910.710	107.559.480.359
Thuế thu nhập cá nhân	12.838.217.700	6.798.195.800
Thuế nhà thầu	2.377.546.595	1.997.126.568
Thuế khác	524.648.769	3.031.459.110
	337.468.389.390	242.203.522.628

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phí bảo hành	401.105.170	3.471.776.839
Lãi tiền vay	10.093.806.131	11.496.182.793
Lãi trái phiếu	25.017.808.219	28.997.260.274
Khác	161.006.302.527	174.906.420.543
	196.519.022.047	218.871.640.449

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15.863.092.255	14.123.409.767
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.072.773.155	1.993.744.097
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	277.446.868.652	21.470.124.720
Phải trả tiền cổ tức	240.809.087.366	2.892.536.467
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp	121.176.704.963	88.171.050.775
Phải trả khoản lãi nhận trước (ii)	-	43.823.333.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.068.001.092	113.916.940.337
	708.436.527.483	286.391.139.496

(i) Thể hiện giá trị khoản nhận đặt cọc để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư.

(ii) Thể hiện khoản tiền lãi nhận đầu kỳ theo điều khoản trả lãi các hợp đồng cho vay của Công ty. Các khoản lãi nhận trước này sẽ được thu hồi nếu Công ty chấm dứt hợp đồng cho vay trước hạn. Năm 2011 không phát sinh lãi nhận trước.

25. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng bảo hành sản phẩm	Trợ cấp mất việc làm	Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	32.544.452.120	1.587.566.129	2.936.645.570	37.068.663.819
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	44.910.333.149	217.239.520	-	45.127.572.669
Hoàn nhập dự phòng	(31.061.866.827)	(2.243.600)	-	(31.064.110.427)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(22.267.696.095)	(320.269.833)	(2.379.465.931)	(24.967.431.859)
Tại ngày 31/12/2011	24.125.222.347	1.482.292.216	557.179.639	26.164.694.202

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG (Tiếp theo)***Dự phòng bảo hành sản phẩm***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trái phiếu (i)	-	1.800.000.000.000
Vay ngân hàng	274.583.554	359.913.819
	<u>274.583.554</u>	<u>1.800.359.913.819</u>

- (i) Thẻ hiện mệnh giá khoản trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 9/10/2012 được phân loại và trình bày tại thuyết minh vay ngắn hạn (chi tiết xem Thuyết minh số 21).

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.438.319.670.000	54.851.281.360	(2.805.550.000)	5.986.559.541	103.009.261	94.761.377.392	1.408.284.573.142	2.999.500.920.696
Phát hành cổ phiếu	18.146.090.000	5.161.038.885	-	-	-	-	-	23.307.128.885
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.264.506.352.990	1.264.506.352.990
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	2.113.400.000	-	-	-	-	2.113.400.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	18.401.646.528	(18.401.646.528)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(126.450.635.299)	(126.450.635.299)
Cổ tức	478.339.410.000	-	-	-	-	-	(671.738.268.000)	(193.398.858.000)
Biến động khác	-	-	-	11.289.531.590	-	(217.126.314)	-	11.072.405.276
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.934.805.170.000	60.012.320.245	(692.150.000)	17.276.091.131	103.009.261	112.945.897.606	1.856.200.376.305	3.980.650.714.548
Phát hành cổ phiếu	27.716.100.000	-	-	-	-	-	-	27.716.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.681.818.194.700	1.681.818.194.700
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	178.710.000	-	-	-	-	178.710.000
Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu (i)	198.305.490.000	-	-	-	-	-	-	198.305.490.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	314.758.762	(314.758.762)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(163.651.983.808)	(163.651.983.808)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(312.754.321.500)	(312.754.321.500)
Biến động do hoán đổi cổ phiếu (i)	-	(10.465.440.761)	-	2.117.906.395	-	2.215.432.849	111.853.466.096	105.721.364.579
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	270.511.134	270.511.134
Số dư tại ngày 31/12/2011	2.160.826.760.000	49.546.879.484	(513.440.000)	19.393.997.526	103.009.261	115.476.089.217	3.173.421.484.165	5.518.254.779.653

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**(i) Nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu**

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần FPT ngày 15 tháng 4 năm 2011, Công ty đã thực hiện việc phát hành thêm 19.830.549 cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu của các công ty con nắm giữ bởi cổ đông thiểu số bao gồm Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (FPT IS), Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software) và Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading) theo phương án cụ thể như sau:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Tỷ lệ hoán đổi</u>
Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (FPT IS)	1 : 1,22
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software)	1 : 1
Công ty Cổ phần Thương mại FPT (FPT Trading)	1 : 0,91

Sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phiếu trong năm, các cổ đông thiểu số của các công ty con trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần FPT. Kể từ thời điểm này, các cổ đông này không còn các quyền và lợi ích cổ đông đối với hoạt động của các công ty con. Phần lợi nhuận tương ứng tại các công ty con trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến thời điểm thực hiện hoán đổi sẽ được các cổ đông này thực hiện thông qua việc nắm giữ số cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT. Phần lợi nhuận tại các công ty con thuộc về các cổ đông này phát sinh trong năm 2011 trước thời điểm hoán đổi được ghi nhận toàn bộ vào Lợi nhuận của cổ đông Công ty Mẹ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Cổ tức

Ngày 15 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2010 là 15% trên mệnh giá, 10% phần cổ tức này đã được Công ty thực hiện chi trả trong năm 2010, phần cổ tức còn lại được chi trả trong quý 2 năm 2011.

Ngày 11 tháng 8 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT thông qua Nghị quyết số 81-2011/QĐ-FPT-HDQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 6 tháng đầu năm 2011 là 10% trên mệnh giá. Phần cổ tức này đã được chi trả trong năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2011	31/12/2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu đã phát hành	216.082.676	193.480.517
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	880.501	501.693
Cổ phiếu quỹ	(51.344)	(69.215)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(51.344)	(69.215)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	216.031.332	193.411.302
Cổ phiếu phổ thông	215.202.175	192.978.824
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	829.157	432.478

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

28. DOANH THU

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.397.759.809.554	20.041.458.740.325
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	19.262.823.223.549	15.474.651.129.368
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.134.936.586.005	4.566.807.610.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	27.512.943.153	24.155.072.752
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	25.370.246.866.401	20.017.303.667.573

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh thu kinh doanh bao gồm doanh thu bán cho các bên thứ ba và doanh thu bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn theo giá thị trường. Doanh thu bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	25.370.246.866.401	20.017.303.667.573
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	608.190.727.876	499.280.021.948
Tổng doanh thu kinh doanh	25.978.437.594.277	20.516.583.689.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ KHÁC

	2011	2010
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	19.181.452.433	58.236.360.307
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	2.021.945.244	2.592.562.186
Chi thực hiện chương trình quảng cáo cho nhà cung cấp	1.621.839.485	12.113.060.142
Chi phí khác	36.098.089.960	33.069.906.500
	58.923.327.122	106.011.889.135

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện tại	405.241.895.948	326.824.366.541
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	12.825.376.957	19.929.518.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.067.272.905	346.753.884.742

Thuế thu nhập hoãn lại

Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	4.327.973.530	(15.317.991.593)
---	---------------	------------------

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	422.395.246.435	331.435.893.149
--	------------------------	------------------------

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.501.542.976.121	2.023.193.146.444
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	621.861.572.128	500.867.004.581
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(26.479.629.066)	(10.523.350.033)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài	(652.040.464)	822.060.535
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	5.815.080.211	6.883.048.310
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(185.869.681.507)	(162.440.018.002)
Các ảnh hưởng khác	7.719.945.133	(4.172.852.242)
	422.395.246.435	331.435.893.149

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp và 25% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Lĩnh vực đào tạo CNTT của Tập đoàn được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT được quy định trong các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.681.818.194.700	1.264.506.352.990
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	213.957.879	192.053.388
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.861	6.584
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS)	7.861	6.584

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 2.084.400 chứng quyền được phát hành kèm theo lô trái phiếu 1.800 tỷ. Ngày thực hiện Chứng quyền được quy định là ngày 9 tháng 10 năm 2011, ngày 9 tháng 10 năm 2012, ngày 9 tháng 10 năm 2013 (xem thêm Thuyết minh số 21).

Vì chứng quyền chỉ chịu tác động suy giảm khi giá thị trường bình quân của cổ phiếu phổ thông trong kỳ lớn hơn giá thực hiện chứng quyền, do đó các chứng quyền này được xác định không làm suy giảm lãi trên cổ phiếu của đơn vị. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2011	2010
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	193.411.302	143.551.412
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	20.523.452	48.438.811
Ảnh hưởng của biến động cổ phiếu quỹ trong năm	23.125	63.165
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	213.957.879	192.053.388

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và số 26 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.902.382.823.282	1.436.127.765.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.320.601.791.738	1.063.938.834.534
Đầu tư ngắn hạn	861.597.468.810	563.892.171.622
Đầu tư dài hạn	653.238.902.262	263.462.153.288
Tài sản tài chính khác	323.928.665.005	934.379.236.720
Tổng cộng	8.061.749.651.097	4.261.800.161.694
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.674.729.270.406	4.476.284.999.171
Phải trả người bán và phải trả khác	2.277.282.273.960	1.447.715.218.552
Chi phí phải trả	196.519.022.047	218.871.640.449
Công nợ tài chính khác	16.886.638.003	30.226.884.835
Tổng cộng	7.165.417.204.416	6.173.098.743.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, hoạt động Phân phối các sản phẩm Công nghệ thông tin và điện thoại di động chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại hối. Tập đoàn đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai (kỳ dự báo được căn cứ theo vòng quay tiền của hoạt động kinh doanh) để xác định giá bán sản phẩm, duy trì hợp lý cơ cấu vay nợ ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp và sử dụng tối ưu các nguồn tiền hiện có thông qua tập trung dòng tiền trong toàn Tập đoàn để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	3.012.036.620.027	2.896.528.552.306	668.170.178.199	446.109.135.330
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	99.000.493.909	89.888.850.432	186.646.228.790	141.905.976.579
<i>Đô La Singapore (SGD)</i>	46.299.803.603	43.026.711.206	63.599.027.131	38.989.047.147
<i>Euro (EUR)</i>	66.513.695.050	65.537.258.677	76.926.296.547	28.741.269.194
<i>Ngoại tệ khác</i>	23.363.189.324	21.212.926.803	26.568.706.228	22.042.096.041

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VND theo lãi suất cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Tập đoàn không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Thông qua tài khoản tập trung, Tập đoàn đã tối ưu hóa được các khoản thanh toán và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Các khoản vay	4.674.454.686.852	274.583.554	4.674.729.270.406
Phải trả người bán và phải trả khác	2.047.264.045.052	230.018.228.908	2.277.282.273.960
Chi phí phải trả	196.519.022.047	-	196.519.022.047
Công nợ tài chính khác	16.886.638.003	-	16.886.638.003
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Các khoản vay	2.675.925.085.352	1.800.359.913.819	4.476.284.999.171
Phải trả người bán và phải trả khác	1.436.567.835.899	11.147.382.653	1.447.715.218.552
Chi phí phải trả	218.871.640.449	-	218.871.640.449
Công nợ tài chính khác	30.226.884.835	-	30.226.884.835

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.902.382.823.282	-	2.902.382.823.282
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.319.573.151.788	1.028.639.950	3.320.601.791.738
Đầu tư ngắn hạn	861.597.468.810	-	861.597.468.810
Đầu tư dài hạn	-	653.238.902.262	653.238.902.262
Tài sản tài chính khác	285.848.402.912	38.080.262.093	323.928.665.005
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.436.127.765.530	-	1.436.127.765.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.063.562.834.534	376.000.000	1.063.938.834.534
Đầu tư ngắn hạn	563.892.171.622	-	563.892.171.622
Đầu tư dài hạn	-	263.462.153.288	263.462.153.288
Tài sản tài chính khác	900.450.771.956	33.928.464.764	934.379.236.720

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Góp vốn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	265.671.420.000
Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	1.925.000.000	4.125.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	25.345.713.500	15.960.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	5.500.000.000	-
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	221.882.925.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tập đoàn có các sổ dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản cho vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	1.024.000.000.000	253.823.333.333
Các khoản ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	472.745.891.576	510.507.405.784
Vốn góp		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	494.371.420.000	494.371.420.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	27.500.000.000	36.300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	110.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng hóa giữ hộ cho bên thứ ba	59.745.411.090	50.004.719.142

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011	2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	160.443.961.441	207.073.148.955
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	383.668.434.327	388.036.296.495
Sau năm năm	89.013.720.644	91.640.662.296
	633.126.116.412	686.750.107.746

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01A.01-2012/NQ-HĐQT FPT ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT, Công ty đã thông qua chủ trương góp vốn với tư cách là cổ đông sáng lập thành lập Công ty cổ phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) để thực hiện đề án chuỗi bán lẻ. Số vốn góp của Công ty cổ phần FPT tại FRT là 85 tỷ đồng, chiếm 85% vốn điều lệ của FRT.

42. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ VND để xây trường Đại học FPT;
- Thông qua phương án góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Tháp Láng Hạ là 133.732.000.000 VND (chiếm 99,8% vốn điều lệ). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 116 tỷ VND;
- Thông qua phương án tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng bằng việc mua cổ phần tương đương 325.812.000.000 VND để đạt được tỷ lệ vốn góp 94,8% trên vốn điều lệ của công ty này là 350 tỷ VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 220 tỷ VND.

Ngày 4 ngày 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT và Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (các công ty con của Tập đoàn) đã cam kết cùng nhau góp vốn tham gia xây dựng tòa nhà FPT Tân Thuận để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian kết thúc thuê đất để xây dựng tòa nhà trên là ngày 23 tháng 09 năm 2041. Tổng giá trị giá trị cam kết góp vốn là 211.470.000.000 VND.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng
